Ký bởi: BỘ TÀI CHÍNH
Cơ quan: 28 Trần Hưng Đạo
Thời gian ký: 29/06/2026 17:13:53 +07:00

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 75 /2026/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2026*

THÔNG TƯ

Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2025 đến năm 2030

Căn cứ Nghị quyết số 162/2024/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035;

Thực hiện Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035, giai đoạn I: từ năm 2025 đến năm 2030;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kinh tế ngành;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 – 2035, giai đoạn I: từ năm 2025 đến năm 2030.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Thông tư này quy định việc quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2025 đến năm 2030 (sau đây gọi là Chương trình) được phê duyệt tại Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2025 đến năm 2030 (sau đây gọi là Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL);

b) Các khoản tài trợ, viện trợ thuộc ngân sách nhà nước để triển khai thực hiện các nội dung, nội dung thành phần thuộc Chương trình thực hiện theo yêu cầu của nhà tài trợ/đại diện có thẩm quyền của nhà tài trợ, hoặc theo thỏa thuận giữa nhà tài trợ/đại diện có thẩm quyền của nhà tài trợ với bên nhận tài trợ. Trường hợp nhà tài trợ/đại diện có thẩm quyền của nhà tài trợ không có yêu cầu hoặc thỏa thuận với bên nhận tài trợ và nhà tài trợ/đại diện có thẩm quyền của nhà tài trợ và Bộ Tài chính chưa có thỏa thuận về nội dung, mức chi thì áp dụng theo nội dung, mức chi quy định tại Thông tư này;

c) Đối với các hoạt động, nhiệm vụ, nội dung, nội dung thành phần thuộc Chương trình có lồng ghép nguồn vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác được áp dụng quy định tại Thông tư này theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây gọi là Nghị định số 358/2025/NĐ-CP), trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này;

d) Thông tư này không áp dụng đối với:

- Các khoản tài trợ, viện trợ thuộc ngân sách nhà nước đã có hướng dẫn riêng của cấp có thẩm quyền về chế độ chi tiêu tài chính;

- Các nội dung hoạt động của các nhiệm vụ, nội dung, nội dung thành phần thuộc Chương trình được bố trí từ nguồn vốn đầu tư phát triển thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng nguồn kinh phí chi thường xuyên từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình.

Điều 2. Nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình

1. Ngân sách trung ương

a) Bố trí trong dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hàng năm của các bộ, cơ quan trung ương để thực hiện nhiệm vụ được giao của Chương trình;

b) Bổ sung có mục tiêu cho các địa phương để triển khai các nhiệm vụ, hoạt động, nội dung và nội dung thành phần của Chương trình theo quy định tại Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 – 2035 (sau đây gọi là Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg) và Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL.

2. Ngân sách địa phương

Các địa phương căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương và tình hình thực tế hằng năm, chủ động bố trí kinh phí chi sự nghiệp nguồn ngân sách địa phương, nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ (nếu có) và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác để thực hiện có hiệu quả các nội dung, nội dung thành phần của Chương trình trên địa bàn theo quy định tại Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg và Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL.

Điều 3. Lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước

1. Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 162/2024/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 – 2035, Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg, Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL, văn bản hướng dẫn của cơ quan chủ Chương trình, văn bản hướng dẫn của các bộ, cơ quan được phân công chủ trì nội dung thành phần, nội dung thuộc nội dung thành phần của Chương trình, quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật liên quan. Các cơ quan, đơn vị được phân bổ và giao dự toán kinh phí thực hiện Chương trình chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo đúng quy định của pháp luật; bảo đảm sử dụng nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước hiệu quả gắn với kết quả đầu ra, tránh thất thoát, lãng phí. Việc lồng ghép các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện Chương trình phải bảo đảm đúng mục tiêu, đối tượng, nội dung được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các nội dung, nhiệm vụ, hoạt động thuộc Chương trình đã được lập dự toán, sử dụng kinh phí và quyết toán từ nguồn kinh phí của các

chương trình, đề án, dự án khác thì không được lập dự toán, sử dụng kinh phí và quyết toán từ nguồn kinh phí của Chương trình.

2. Các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền quyết định bố trí vốn từ nguồn chi thường xuyên thực hiện theo quy định tại Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước (sau đây gọi là Nghị định số 104/2026/NĐ-CP) và các quy định dưới đây:

a) Việc mua sắm tài sản, trang thiết bị, vật tư, hàng hóa, dịch vụ; thuê hàng hóa, dịch vụ: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, pháp luật về công nghệ thông tin (nếu có) và pháp luật có liên quan;

b) Việc sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng: Thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và quy định pháp luật có liên quan;

c) Các nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch: Thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan;

d) Các nhiệm vụ cần thiết khác: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

3. Về sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ thuộc Chương trình

a) Đối với sản phẩm, dịch vụ thuộc Chương trình có trong danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước do cấp có thẩm quyền ban hành: Thực hiện theo quy định của pháp luật về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; cơ quan, tổ chức được giao dự toán kinh phí thực hiện Chương trình xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định thực hiện phương thức thực hiện theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp cơ quan, đơn vị cung cấp, thực hiện hàng hóa, dịch vụ thuộc Chương trình không có trong danh mục sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan cấp trên giao nhiệm vụ và dự toán cho đơn vị dự toán trực thuộc thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ. Việc quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi, quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan.

4. Đối với các hoạt động, nhiệm vụ cơ quan, đơn vị được giao dự toán (Bên A) ký hợp đồng với các cơ quan, đơn vị khác thực hiện (Bên B) theo quy định của pháp luật, tài liệu làm căn cứ thanh toán, quyết toán được lưu tại Bên A gồm: Hợp đồng, biên bản nghiệm thu công việc, biên bản thanh lý hợp đồng, văn bản đề nghị thanh toán kinh phí của Bên B, ủy nhiệm chi hoặc phiếu chi và các tài liệu có liên quan khác. Các hóa đơn, chứng từ chi tiêu cụ thể do Bên B trực tiếp thực hiện lưu giữ theo quy định hiện hành. Bên B có trách nhiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình đã ký kết, trực tiếp sử dụng kinh phí theo đúng quy định của pháp luật.

5. Đối với các nội dung có hỗ trợ hộ gia đình, việc hỗ trợ đối với hộ gia đình thực hiện thông qua người đại diện của gia đình là chủ hộ hoặc người đại diện cho hộ gia đình (là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, được ủy quyền bằng văn bản thay mặt gia đình nhận hỗ trợ). Cơ quan được giao nhiệm vụ hỗ trợ thực hiện lập bảng kê hỗ trợ hộ gia đình, trong đó ghi rõ họ và tên, mã định danh cá nhân, địa chỉ người đại diện hộ gia đình được hỗ trợ; số tiền hỗ trợ hoặc tên, số lượng, thông số kỹ thuật, ký hiệu, nhãn mác, đơn vị sản xuất của loại sản phẩm hiện vật được hỗ trợ; chữ ký (dấu tay điểm chỉ) của người đại diện hộ gia đình được hỗ trợ hoặc xác nhận của tổ chức dịch vụ chi trả (trong trường hợp thanh toán qua tổ chức dịch vụ chi trả) làm chứng từ thanh toán, quyết toán.

6. Chứng từ thanh toán kinh phí thực hiện một số nội dung, nhiệm vụ đặc thù

a) Đối với tư liệu, tài liệu, tài nguyên thông tin thư viện, hàng hóa, dịch vụ do người dân cung cấp hoặc sưu tầm (không có bán trên thị trường), chứng từ thanh toán bao gồm: Giấy biên nhận có chữ ký của người bán, cung cấp tư liệu, tài liệu, sản phẩm, dịch vụ; Biên bản nghiệm thu (hoặc Biên bản bàn giao) có chữ ký của đại diện đơn vị sử dụng và đại diện người/cộng đồng sở hữu tư liệu, tài liệu, hàng hóa, dịch vụ;

b) Đối với các hoạt động bảo tồn văn hóa truyền thống tại cộng đồng, chứng từ thanh toán chi phí mua, sử dụng các sản phẩm trang phục, đạo cụ, nhạc cụ, vật tư, nguyên liệu, vật nuôi, dịch vụ (không phổ biến trên thị trường) do đồng bào dân tộc thiểu số tự sản xuất, chế tác, nuôi trồng bao gồm: Bảng kê chi tiết sản phẩm, dịch vụ thuê, mua; giấy biên nhận tiền có chữ ký của người bán, cung cấp dịch vụ; Biên bản nghiệm thu (hoặc Biên bản bàn giao) có chữ ký của đại diện đơn vị sử dụng và đại diện cộng đồng hoặc già làng/trưởng thôn, bản;

c) Đối với sản phẩm thủ công truyền thống do cộng đồng tự làm, sưu tầm, trao đổi, chứng từ thanh toán bao gồm: Biên bản xác nhận giá trị và nguồn gốc sản phẩm; Bảng kê chi tiết các khoản thuê, mua; Biên bản bàn giao nhận hoặc Biên bản nghiệm thu có chữ ký của đại diện đơn vị sử dụng và đại diện cộng đồng hoặc già làng/trưởng thôn, bản, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định;

d) Trường hợp sử dụng hội trường của cơ quan nhà nước theo quy định về quản lý, sử dụng tài sản công để tổ chức thực hiện các hoạt động, nhiệm vụ thuộc Chương trình thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi là Nghị định số 186/2025/NĐ-CP).

7. Các cơ quan, đơn vị chủ trì triển khai thực hiện nhiệm vụ của Chương trình xem xét, quyết định áp dụng đấu thầu mua sắm tập trung theo thẩm quyền đối với các hàng hóa, dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước thuộc Chương trình, đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Điều 53 và Điều 54 Luật Đấu thầu, các văn bản hướng dẫn và quy định của pháp luật có liên quan.

8. Đối với các hoạt động, nhiệm vụ, nội dung chi thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các nhiệm vụ, nội dung đặc thù tại khoản 6 Điều này, thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ quyết định việc chi tiêu trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan, phù hợp với nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm về quyết định của cơ quan, đơn vị.

9. Việc thanh toán các khoản chi thường xuyên thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia qua Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định tại Nghị định số 347/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

10. Tài sản hình thành từ Chương trình được quản lý theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 186/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.

11. Các cơ quan, đơn vị căn cứ quy định tại Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL, Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 – 2035, giai đoạn I: từ năm 2025 đến năm 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (sau đây gọi là Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL) và hướng dẫn chuyên môn của các bộ, cơ quan trung ương được phân công chủ trì nội dung thuộc nội dung thành phần của Chương trình để xác định các nội dung chi thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình. Các nội dung chi thực hiện theo mức chi tương ứng quy định tại Chương II và Chương III Thông tư này.

Chương II
NỘI DUNG VÀ MỨC CHI CHUNG

Điều 4. Chi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho người được cử tham gia lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực

1. Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức (sau đây gọi là Thông tư số 100/2025/TT-BTC).

2. Nguồn kinh phí thực hiện được bố trí trong dự toán Chương trình của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực (bao gồm cả chi hỗ trợ tiền ăn, chi phí đi lại, tiền thuê chỗ nghỉ cho người được cử tham gia lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực (sau đây gọi là học viên)).

Trường hợp dự toán được giao cho cơ quan, đơn vị chủ trì đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực không đảm bảo để chi trả chi phí tiền ăn, đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho học viên thì cơ quan, đơn vị chủ trì đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực có trách nhiệm thông báo bằng văn bản (trong giấy mời, triệu tập) để cơ quan, đơn vị cử học viên thanh toán các khoản chi phụ cấp lưu trú, đi lại, tiền thuê phòng nghỉ theo quy định.

Điều 5. Chi công tác phí; chi hội nghị, hội thảo

1. Chi công tác phí thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (sau đây gọi chung là Thông tư số 40/2017/TT-BTC).

2. Chi hội nghị, hội thảo thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC và các quy định sau:

a) Chi thuê địa điểm, hội trường (trong trường hợp cơ quan, đơn vị không có địa điểm phải thuê hoặc có nhưng không đáp ứng được số lượng đại biểu tham dự) và các trang thiết bị đi kèm; chi tài liệu, văn phòng phẩm, nước uống, thuốc y tế thông thường phục vụ hội nghị, hội thảo: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Chi tiền công giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC. Tùy tình hình

thực tế và trong phạm vi dự toán được giao, thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức các buổi tọa đàm, giao lưu, các lớp giáo dục truyền thông, tư vấn, nói chuyện chuyên đề quyết định hỗ trợ phụ cấp tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ, tiền phương tiện đi lại cho giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên. Mức chi theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC;

c) Chi biểu dương, tôn vinh, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Chương trình theo quyết định của cấp có thẩm quyền: Nội dung và mức chi khen thưởng thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về thi đua, khen thưởng và pháp luật có liên quan;

d) Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến công tác tổ chức Hội nghị: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 6. Chi thông tin, tuyên truyền; phổ biến giáo dục pháp luật

1. Chi sản xuất, biên tập, đăng tải, truyền dẫn, phát sóng, phát hành các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm báo chí, xuất bản và sản phẩm thông tin, truyền thông khác

a) Đối với chi thực hiện thông tin, tuyên truyền bằng xuất bản phẩm, bao gồm: chi tổ chức bản thảo, chi in và phát hành (đối với xuất bản phẩm in); chi đăng tải trên cổng, trang thông tin điện tử theo quy định (đối với xuất bản phẩm điện tử). Mức chi tổ chức bản thảo thực hiện theo định mức kinh tế - kỹ thuật trong hoạt động xuất bản do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định, trong đó chi nhuận bút thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ nhuận bút trong hoạt động xuất bản. Chi in và phát hành thực hiện theo quy định của pháp luật về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

b) Đối với chi thực hiện thông tin, tuyên truyền bằng các loại hình báo chí (báo in, báo điện tử, báo nói, báo hình) gồm: chi sản xuất nội dung tác phẩm báo chí; chi in và phát hành (đối với báo chí in); chi đăng tải trên báo điện tử (đối với báo điện tử). Mức chi xác định trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo chí, báo điện tử theo quy định của cơ quan có thẩm quyền, các quy định hiện hành của pháp luật liên quan và theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (nếu có); chi nhuận bút thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ nhuận bút trong hoạt động báo chí;

Trường hợp cơ quan báo chí sử dụng tác phẩm của người không hưởng lương tại cơ quan báo chí, mức chi gồm chi công tác biên tập, thiết kế chế bản (đối với báo điện tử) cơ quan báo chí và nhuận bút theo chế độ nhuận bút trong hoạt động báo chí hoặc tiền bản quyền theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ trả cho tác giả không hưởng lương tại cơ quan báo chí. Chi in và phát hành

sản phẩm báo chí in thực hiện theo quy định của pháp luật về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

c) Chi cung cấp dịch vụ sản xuất nội dung và đăng, phát thông tin phục vụ nhiệm vụ chính trị, truyền thông chính sách của các cơ quan báo chí trên nền tảng số, mạng xã hội và trang thông tin điện tử thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực báo chí do cơ quan báo chí thực hiện. Nội dung, mức chi sản xuất sản phẩm thông tin, tuyên truyền, chi đăng tải trên nền tảng số, mạng xã hội và trang thông tin điện tử theo quy định tại điểm b khoản này;

d) Đối với hoạt động thông tin, tuyên truyền dưới hình thức tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác: Thực hiện theo Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

2. Tuyên truyền, truyền thông qua các đội chiếu bóng lưu động, đội tuyên truyền lưu động, tuyên truyền cổ động trực quan (bảng, pa-nô, áp-phích, băng rôn): Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức hoạt động văn hóa văn nghệ; hội thi, hội diễn, liên hoan văn nghệ quần chúng; tuyên truyền lưu động; cổ động trực quan phục vụ nhiệm vụ chính trị; pháp luật về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; các định mức chi theo chế độ chi tiêu hiện hành và pháp luật có liên quan.

3. Chi truyền thông tại cộng đồng

a) Tiền công xây dựng tin, bài: 100.000 đồng/tin, bài dưới 350 từ; 150.000 đồng/tin, bài từ 350 từ đến dưới 600 từ; 200.000 đồng/bài từ 600 từ trở lên;

b) Tiền công phát thanh viên trên đài truyền thanh xã: 60.000 đồng/tin, bài dưới 350 từ; 80.000 đồng/tin, bài từ 350 từ trở lên; tối đa không quá 160.000 đồng/buổi. Các tin, bài phát thanh từ lần thứ hai trở đi được lồng ghép với hoạt động thường xuyên của đài truyền thanh xã.

4. Chi tổ chức các buổi tọa đàm, sinh hoạt câu lạc bộ, sinh hoạt nhóm, các lớp giáo dục truyền thông, truyền thông trực tiếp, tư vấn, nói chuyện chuyên đề, đối thoại chính sách

Nội dung chi, mức chi áp dụng theo nội dung chi, mức chi quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này. Riêng chi thuê địa điểm, hội trường, bàn ghế, trang thiết bị cần thiết (nếu có); chi tài liệu, văn phòng phẩm; chi in kỷ yếu, lưu trữ thành tài liệu phục vụ Chương trình; chi khác liên quan trực tiếp đến công

tác tổ chức tọa đàm, các lớp giáo dục truyền thông, truyền thông trực tiếp, tư vấn, nói chuyện chuyên đề, đối thoại chính sách: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong phạm vi dự toán được giao và quy định tại khoản 6, khoản 8 Điều 3 Thông tư này.

5. Chi tư vấn, hướng dẫn tại cộng đồng

a) Hỗ trợ chi phí đi lại cho người tư vấn theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 7 và khoản 1 Điều 8 Thông tư số 40/2017/TT-BTC;

b) Hỗ trợ tiền công tư vấn cho người tư vấn: 20.000 đồng/người được tư vấn/lần tư vấn hoặc 100.000 đồng/buổi tư vấn, tối đa 400.000 đồng/người tư vấn/tháng; người được tư vấn tối đa 03 lần tư vấn/tháng.

6. Chi tổ chức mít tinh, tháng hành động, chiến dịch truyền thông, chiến dịch truyền thông lồng ghép

a) Hỗ trợ những người tổ chức, giám sát thực hiện chiến dịch, vận động và tư vấn (ngoài chế độ công tác phí hiện hành): 50.000 đồng/người/buổi;

b) Hỗ trợ cho người tham gia chiến dịch: 50.000 đồng/người/buổi. Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ quyết định số lượng người tham gia chiến dịch tuyên truyền, truyền thông trong phạm vi dự toán được giao;

c) Tiền công phát thanh viên: Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;

d) Hỗ trợ chi phí xăng xe: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC;

đ) Chi thuê phương tiện đi lại, hội trường, địa điểm, bàn ghế, trang thiết bị và các chi phí cần thiết khác: Thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao.

7. Chi tổ chức các cuộc thi phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến; tổ chức ngày hội, giao lưu, liên hoan, trình diễn, tái hiện, thực nghiệm phục vụ hoạt động chuyên môn của các nội dung thành phần, nội dung, nhiệm vụ cụ thể

a) Chi công tác truyền thông, thông tin và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng và các phương tiện truyền thông kỹ thuật số: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Chi thuê dẫn chương trình; chi biên soạn đề thi, đáp án, thù lao cho ban giám khảo, ban tổ chức; thư ký, đạo diễn, biên kịch, người viết kịch bản; chi giải thưởng cho cá nhân, tập thể; thuê văn nghệ, diễn viên; hỗ trợ tiền ăn, thuê phòng nghỉ cho thành viên ban tổ chức, thành viên hội đồng nghệ thuật, thí sinh; nghệ nhân, diễn viên: Áp dụng quy định tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục

pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở (sau đây gọi là Thông tư số 56/2023/TT-BTC); Thông tư số 40/2017/TT-BTC; Điều 33, Điều 34 và Điều 37 Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; Thông tư số 09/2016/TT-BVHTTDL ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành quy định về tổ chức thi, liên hoan văn nghệ quần chúng;

c) Chi thù lao luyện tập chương trình mới: 80.000 đồng/người/buổi/4 giờ. Trường hợp buổi tập không đảm bảo 04 giờ, mức thù lao cho 01 buổi tập chương trình mới là 60.000 đồng/người/buổi. Số buổi tập do thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ quyết định phù hợp yêu cầu của từng chương trình và kinh phí thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi dự toán được giao;

d) Chi thù lao biểu diễn, tuyên truyền, phục vụ thư viện lưu động: Mức thù lao là 200.000 đồng/diễn viên chính, tuyên truyền viên chính, thư viện viên chính/buổi biểu diễn, tuyên truyền, phục vụ thư viện lưu động. Số lượng diễn viên, tuyên truyền viên đóng vai chính theo yêu cầu của kịch bản chương trình biểu diễn, do Giám đốc Trung tâm Văn hóa, Trung tâm Thông tin triển lãm hoặc Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp tỉnh, cấp xã quyết định. Số lượng người làm công tác thư viện tham gia phục vụ thư viện lưu động do Giám đốc thư viện tỉnh quyết định theo quy định tại Thông tư số 05/2022/TT-BVHTTDL ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn hoạt động thư viện lưu động và luân chuyển tài nguyên thông tin. Mức thù lao đối với các vai diễn khác và nhân viên tham gia phục vụ biểu diễn, tuyên truyền, thư viện lưu động là 100.000 đồng/người/buổi biểu diễn, tuyên truyền, phục vụ thư viện lưu động;

đ) Chi thuê phương tiện đi lại, hội trường, địa điểm, bàn ghế, trang thiết bị và các chi phí cần thiết khác: Thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao.

8. Chi thù lao Ban Chỉ đạo, Tổ tư vấn, Hội đồng, Ban Giám khảo hoặc tương đương thực hiện việc xét duyệt, thẩm định, nghiệm thu, lựa chọn ý tưởng, chủ đề và nội dung (nếu có) cho chương trình nghệ thuật, sản phẩm văn hóa, sự kiện, cuộc thi, ngày hội, giao lưu, liên hoan, trình diễn, tái hiện, thực nghiệm, chương trình tuyên truyền lưu động, phục vụ thư viện lưu động. Mức chi áp dụng mức chi Hội đồng khoa học quy định tại Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây gọi là Nghị định số 265/2025/NĐ-CP) và Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội

dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây gọi là Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN).

9. Chi triển khai hoạt động về trợ giúp pháp lý, phổ biến, giáo dục pháp luật. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC và các quy định tại Thông tư này.

Điều 7. Chi xây dựng, in ấn tài liệu, cẩm nang, sổ tay

Chi xây dựng, in ấn cẩm nang, sổ tay hướng dẫn; sổ tay nghiệp vụ và các loại sổ, sách, tài liệu khác phục vụ hoạt động của Chương trình thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và trong phạm vi dự toán được giao. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tự biên soạn cẩm nang, sổ tay hướng dẫn; sổ tay nghiệp vụ và các loại sổ, sách, tài liệu khác thì được hỗ trợ theo mức chi xây dựng, biên soạn tài liệu phục vụ các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn có thời gian dưới 05 ngày quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC.

Điều 8. Chi khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chi ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

1. Việc sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của Chương trình cho hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số thuộc Chương trình do cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và trong phạm vi nguồn kinh phí được giao; trong đó không sử dụng kinh phí thuộc Chương trình để thực hiện các nhiệm vụ đã được bố trí kinh phí từ nguồn chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (bao gồm xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

2. Chi khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ hoạt động chuyên môn các nội dung thuộc Chương trình thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15, Nghị định số 265/2025/NĐ-CP, Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN, các văn bản hướng dẫn và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Chi ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số thực hiện theo quy định của Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 21/2017/QH14, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 71/2025/QH15 và Luật số 84/2025/QH15, Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15, Nghị định số 45/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 9. Chi dịch thuật và hiệu đính tài liệu phục vụ hoạt động chuyên môn thuộc Chương trình

1. Chi thuê phiên dịch (dịch nói)

a) Chi thuê phiên dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt và ngược lại: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 35/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước (sau đây gọi là Thông tư số 35/2026/TT-BTC);

b) Chi thuê phiên dịch từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số và ngược lại: Mức tiền công áp dụng bằng mức chi thuê người dẫn đường kiêm phiên dịch tiếng dân tộc quy định tại điểm a khoản 5 Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (sau đây gọi chung là Thông tư số 109/2016/TT-BTC).

2. Chi biên dịch và hiệu đính tài liệu

a) Chi biên dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt và ngược lại: Mức chi theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 35/2026/TT-BTC;

b) Chi biên dịch từ tiếng dân tộc thiểu số sang tiếng Việt và ngược lại: Mức chi áp dụng bằng mức chi biên dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt và ngược lại quy định tại Thông tư số 35/2026/TT-BTC;

c) Chi hiệu đính tài liệu: Mức chi bằng 40.000 đồng/trang (350 từ).

3. Trường hợp các cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ của các cơ quan, đơn vị để tham gia công tác dịch và hiệu đính tài liệu thì được thanh toán tối đa bằng 50% mức chi thuê ngoài quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 10. Chi thuê chuyên gia trong nước và tổ chức tư vấn độc lập phục vụ hoạt động chuyên môn

Căn cứ vào mức độ cần thiết triển khai hoạt động và dự toán ngân sách được giao, thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện hoạt động quyết định việc thuê chuyên gia trong nước hoặc tổ chức tư vấn độc lập. Mức chi thuê chuyên gia trong nước thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu, Điều 3 Thông tư số 7/2026/TT-BNV ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho

việc xác định giá gói thầu (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026) hoặc quy định tại Nghị định số 173/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức và Thông tư số 144/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn bố trí nguồn kinh phí, lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức. Trường hợp thuê tổ chức tư vấn độc lập thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 11. Chi điều tra, khảo sát, thống kê

1. Chi điều tra, khảo sát, thống kê các nội dung chuyên môn thuộc Chương trình thực hiện theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 Thông tư số 109/2016/TT-BTC.

2. Đối với chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, áp dụng quy định tại Nghị định số 265/2025/NĐ-CP và Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN.

Điều 12. Chi tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước; sơ kết, tổng kết; chi chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước

1. Chi tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong nước; sơ kết, tổng kết: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

2. Chi tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm ở nước ngoài: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 140/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí (sau đây gọi là Thông tư số 140/2025/TT-BTC).

3. Chi chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 35/2026/TT-BTC.

Điều 13. Chi vận chuyển hàng hóa, trang thiết bị, vật tư, gửi thông báo

1. Gửi thông báo kết quả; vận chuyển bằng các phương tiện công cộng: Mức hỗ trợ theo giá vé phương tiện vận tải công cộng tại địa phương.

2. Gửi thông báo kết quả; vận chuyển bằng dịch vụ bưu chính: Mức hỗ trợ theo giá dịch vụ bưu chính hiện hành.

3. Thuê phương tiện vận chuyển (nếu cần thiết) theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

4. Trường hợp tự túc phương tiện, tự di chuyển bằng đường bộ: Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

Trường hợp vận chuyển nhiều hàng hóa, trang thiết bị, vật tư trên cùng một phương tiện thì mức thanh toán tối đa không quá mức quy định nêu trên.

Điều 14. Chi thuê người dẫn đường

Chi thuê người dẫn đường kiêm phiên dịch tiếng dân tộc hoặc ngôn ngữ ký hiệu, người dẫn đường không kiêm phiên dịch tiếng dân tộc hoặc ngôn ngữ ký hiệu: Mức chi thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC.

Điều 15. Chi thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền quyết định bố trí vốn từ nguồn chi thường xuyên

Kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan; trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 16. Chi xây dựng mô hình

1. Xây dựng mô hình theo quyết định của cấp có thẩm quyền

a) Chi điều tra, khảo sát, sưu tầm, thống kê (nếu có): Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư này;

b) Chi xây dựng các báo cáo chuyên đề khoa học và xây dựng mô hình. Nội dung chi theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL, mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây gọi là Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN);

c) Chi mua vật tư, nguyên vật liệu, dụng cụ, tài liệu, tư liệu, số liệu, phần mềm, công nghệ phục vụ xây dựng mô hình. Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong phạm vi dự toán được giao và quy định tại khoản 6, khoản 8 Điều 3 Thông tư này và pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về chuyển đổi số và pháp luật về công nghệ thông tin;

d) Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học: Nội dung và mức chi áp dụng theo Nghị định số 265/2025/NĐ-CP và Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN;

đ) Báo cáo kết quả thực hiện mô hình: Theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

2. Triển khai và nhân rộng mô hình

a) Chi tập huấn về mô hình theo quy định tại Điều 4 Thông tư này;

b) Chi thực hiện mô hình theo hướng dẫn tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL và theo quy định của pháp luật hiện hành;

c) Chi đi thực tế, học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm xây dựng và phát huy mô hình, liên hoan, tổ chức hội thi, triển lãm, trưng bày. Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC và quy định tại Thông tư này.

3. Truyền thông về xây dựng, triển khai và nhân rộng mô hình: Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Điều 17. Chi kiểm tra, giám sát, đánh giá và quản lý Chương trình

1. Chi kiểm tra, giám sát, đánh giá, xây dựng bộ chỉ tiêu, chỉ số để thống kê, giám sát, đánh giá việc triển khai các nội dung thành phần, nội dung, nhiệm vụ cụ thể của Chương trình: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC, Thông tư số 140/2025/TT-BTC, Thông tư số 35/2026/TT-BTC, Nghị định số 265/2025/NĐ-CP và Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN.

2. Chi khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Chương trình

a) Chi khen thưởng thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng;

b) Chi mua hiện vật, kỷ niệm chương, giấy khen, bằng chứng nhận và chi hậu cần khác phục vụ cuộc thi, liên hoan: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Các nhiệm vụ chi khác (nếu có)

Mức chi thực hiện theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và theo thực tế phát sinh được cấp có thẩm quyền quyết định.

Chương III

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI CÁC NỘI DUNG THÀNH PHẦN

Điều 18. Nội dung và mức chi thành phần 1 – Phát triển con người Việt Nam có nhân cách và lối sống tốt đẹp

1. Chi phát triển thể lực, tầm vóc và kỹ năng sống cho con người Việt Nam

a) Triển khai phong trào thể dục, thể thao cho mọi người nhằm nâng cao thể lực, tầm vóc, sức khỏe và đời sống tinh thần của Nhân dân; góp phần xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế

- Chi lồng ghép hoạt động thể dục, thể thao trong các sự kiện văn hóa, du lịch; các ngày lễ, ngày kỷ niệm của đất nước, ngành và địa phương theo quyết định của cấp có thẩm quyền: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 117/2025/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam (sau đây gọi là Thông tư số 117/2025/TT-BTC) và quy định của cấp có thẩm quyền về tổ chức các giải thi đấu thể thao tại địa phương;

Mức hỗ trợ cho các địa phương đăng cai tổ chức các cuộc thi đấu thể thao truyền thống từ nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách trung ương đối với cuộc thi cấp xã: tối đa 200 triệu đồng/cuộc; cuộc thi cấp tỉnh: tối đa 400 triệu đồng/cuộc; cuộc thi cấp quốc gia: tối đa 1.000 triệu đồng/cuộc;

- Đăng cai tổ chức tại Việt Nam Giải vô địch thế giới Võ cổ truyền Việt Nam và các giải thể thao quốc tế nhằm giao lưu và tiếp thu tinh hoa văn hóa từ các quốc gia khác. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 117/2025/TT-BTC;

b) Hình thành, củng cố và phát huy hiệu quả các trung tâm, điểm tập luyện thể dục, thể thao ở cơ sở, bao gồm trung tâm thể dục, thể thao của xã, phường, đặc khu gắn với quảng trường, công viên, thiết chế văn hóa tại cơ sở, trường học; các điểm tập luyện thể thao với trang thiết bị đơn giản tại khu đô thị, khu dân cư, làng, bản, thôn, ấp, nhà máy, xí nghiệp; bảo đảm phù hợp điều kiện thực tế, nhu cầu sử dụng

Các khu đô thị, khu dân cư, bản, làng, thôn, ấp và trường học (sau đây gọi là khu dân cư) chưa được trang bị thiết bị luyện tập và được chính quyền bố trí không gian thì được bố trí thiết bị luyện tập thể thao đơn giản, trang thiết bị, dụng cụ dạy bơi, tài liệu, chương trình dạy kiến thức và kỹ năng bơi an toàn, phòng chống đuối nước để phục vụ người dân, học sinh rèn luyện sức khỏe. Trường hợp các nhà máy, xí nghiệp trang bị thiết bị luyện tập thể thao thì được tính vào chi phí hợp lý, hợp lệ của đơn vị. Danh mục thiết bị theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL. Mức hỗ trợ và số lượng đơn vị được hỗ trợ do địa phương quyết định theo phân cấp hiện hành, trong phạm vi dự toán được giao. Mức hỗ trợ bình quân từ ngân sách trung ương tối đa không quá 50 triệu đồng/khu dân cư. Việc mua sắm, quản lý trang thiết bị luyện tập thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và quy định tại Thông tư này;

c) Chi hỗ trợ hướng dẫn tập luyện các hoạt động thể thao phong trào phục vụ cộng đồng, với lực lượng cộng tác viên thể thao ở cơ sở làm nòng cốt: Chi hỗ trợ hướng dẫn, triển khai tập luyện các hoạt động thể dục thể thao; tổ chức các hoạt động thể thao phong trào phục vụ cộng đồng; hướng dẫn thực hành các kỹ năng sống, ứng phó với thiên tai, hỏa hoạn, thảm họa môi trường, dịch bệnh.

Mức chi theo quy định tại Thông tư số 15/2024/TT-BVHTTDL ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho cộng tác viên thể dục, thể thao, theo quy định tại Điều 4 và Điều 7 Thông tư này.

2. Phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới

a) Chi hỗ trợ đội ngũ cộng tác viên dân số làm công tác gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình ở cộng đồng, bao gồm chi trang bị dụng cụ, công cụ làm việc cho cộng tác viên dân số làm công tác gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình ở cộng đồng. Số lượng cộng tác viên và mức hỗ trợ do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp quyết định theo thẩm quyền;

b) Chi xây dựng, thí điểm, nhân rộng, duy trì mô hình xây dựng gia đình hạnh phúc; mô hình phòng, chống bạo lực gia đình ở cộng đồng: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 76/2023/NĐ-CP và quy định tại Thông tư này.

3. Đối tượng, phạm vi, nội dung hoạt động khác (nếu có): Thực hiện theo quy định tương ứng tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL, văn bản hướng dẫn chuyên môn của Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công Thương, Bộ Y tế, Bộ Tư pháp, Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo phân công tại Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL. Nội dung, mức chi tương ứng theo quy định tại Chương II Thông tư này và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 19. Nội dung và mức chi thành phần 2 – Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh; phát triển hệ thống hạ tầng, cảnh quan, thiết chế văn hóa đồng bộ, hiệu quả

1. Phát triển hệ thống hạ tầng, thiết chế văn hóa, nghệ thuật chất lượng cao, hướng đến đẳng cấp quốc tế

Hỗ trợ phát triển cộng đồng khán giả, công chúng thường xuyên tại các thiết chế văn hóa, nghệ thuật công lập: Tổ chức biểu diễn hàng năm tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo; mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương tối đa 30 triệu đồng/buổi biểu diễn. Chi chiếu phim thực hiện theo quy định tương ứng tại Chương II Thông tư này. Số buổi biểu diễn được hỗ trợ theo kế hoạch thực hiện Chương trình do cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Chi từ ngân sách trung ương hỗ trợ nâng cao năng lực vận hành, hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa cơ sở

a) Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động, hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao đối với thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã, thôn. Mức hỗ trợ theo phê duyệt của cấp

có thẩm quyền, tối đa 50 triệu đồng/năm đối với Trung tâm Văn hóa-Thể thao cấp xã và tương đương; tối đa 30 triệu đồng/năm đối với Nhà văn hóa - Khu thể thao cấp thôn và tương đương;

b) Chi hỗ trợ một lần trong giai đoạn 2026-2030 kinh phí mua sắm trang thiết bị hoạt động cho thiết chế văn hóa – thể thao cấp tỉnh, cấp xã và cấp thôn theo Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL và phê duyệt của cấp có thẩm quyền. Mức hỗ trợ mua sắm trang thiết bị căn cứ theo định mức kinh tế - kỹ thuật của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, tối đa không quá 2.000 triệu đồng/Trung tâm văn hóa cấp tỉnh và tương đương, 300 triệu đồng/Trung tâm Văn hóa – Thể thao cấp xã và tương đương, 100 triệu đồng/Nhà Văn hóa – Khu thể thao thôn và tương đương;

c) Phát triển, đầu tư, vận hành hiệu quả mạng lưới điểm vui chơi, giải trí tại cơ sở và hỗ trợ trang thiết bị hoạt động dành cho trẻ em, đồng bào sinh sống tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo

- Trang bị, lắp đặt trang thiết bị, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị điểm vui chơi, giải trí cho các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo. Thực hiện theo Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL và theo quy định tại Nghị định số 104/2026/NĐ-CP. Số lượng điểm được hỗ trợ do cấp có thẩm quyền quyết định. Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định hoặc phân cấp quyết định theo thẩm quyền mức hỗ trợ đối với từng điểm, bảo đảm kinh phí hỗ trợ trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Hỗ trợ kinh phí hoạt động, vận hành và duy trì, bảo dưỡng định kỳ điểm vui chơi, giải trí tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo. Mức hỗ trợ theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền; tối đa 50 triệu đồng/năm/điểm vui chơi, giải trí cấp xã; 30 triệu đồng/năm/điểm vui chơi, giải trí cấp thôn.

3. Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân, phát huy giá trị văn hóa truyền thống

a) Xây dựng và khai thác mô hình: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL, quy định tại Điều 16 Thông tư này và pháp luật có liên quan;

b) Tổ chức truyền dạy văn hoá phi vật thể (dân ca, dân vũ, nghề thủ công truyền thống...), bồi dưỡng người kế cận trong nhóm cộng đồng, hỗ trợ hoạt động các câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian, văn nghệ truyền thống tại cơ sở; hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú tại địa phương trong việc phổ biến đào tạo, bồi dưỡng, truyền dạy những người kế cận

Nội dung chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL, trong đó bao gồm: Tổ chức truyền dạy văn hóa phi vật thể của các dân tộc; bồi dưỡng người kế cận và hỗ trợ hoạt động các câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian, văn nghệ truyền thống tại cơ sở (chi hỗ trợ nghệ nhân, người truyền dạy, hỗ trợ câu lạc bộ văn hóa dân gian, văn nghệ truyền thống theo mức chi hỗ trợ nghệ nhân, người truyền dạy văn hóa phi vật thể, câu lạc bộ, nhóm thực hành văn hóa phi vật thể, học viên tham gia hoạt động tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ thực hành, truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể…);

Mức chi các nội dung chi nêu trên được thực hiện theo các mức chi tương ứng quy định tại Nghị định số 308/2025/NĐ-CP và quy định tại Thông tư này;

c) Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống, văn hóa, văn nghệ dân gian. Bảo tồn, phục dựng, tổ chức lễ hội truyền thống, ngày hội, giao lưu, liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật, hoạt động thi đấu thể thao truyền thống của địa phương, hướng tới khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch. Bảo tồn làng, bản, buôn gắn với phát triển du lịch cộng đồng, tạo sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số

Nội dung chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL, trong đó bao gồm: Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống, văn hóa, văn nghệ dân gian; bảo tồn, phục dựng và tổ chức lễ hội truyền thống gắn phát triển du lịch trên địa bàn; tổ chức các ngày hội, giao lưu, liên hoan văn hóa, thể thao và du lịch; Liên hoan nghệ thuật trình diễn dân gian các dân tộc; nâng cao hiệu quả hoạt động của Làng Văn hoá – Du lịch các dân tộc Việt Nam (tăng cường hoạt động truyền dạy các đặc trưng văn hóa, vùng miền, thụ hưởng văn hóa, thể thao của cộng đồng dân tộc tại Làng Văn hoá – Du lịch các dân tộc Việt Nam, hỗ trợ trang bị tủ sách để nâng cao văn hóa đọc của chính chủ thể văn hóa và khách du lịch tới Làng; hỗ trợ nâng cao cơ sở hạ tầng, đầu tư trang thiết bị, chất lượng tổ chức các hoạt động giới thiệu văn hoá truyền thống tại Làng, khôi phục, bảo tồn, tổ chức các lễ hội, trình diễn di sản văn hóa các dân tộc, không gian chợ phiên vùng cao, chợ truyền thống; xây dựng, bảo tồn, giới thiệu, quảng bá tri thức dân gian về ẩm thực của các dân tộc gắn với phát triển du lịch…);

Mức chi các nội dung chi nêu trên được thực hiện theo các mức chi tương ứng quy định tại Nghị định số 308/2025/NĐ-CP, Nghị định số 104/2026/NĐ-CP và quy định tại Thông tư này;

d) Chi thù lao cho các các học viên, người tham gia các hoạt động tập luyện, thực hành, trình diễn, tái hiện, thực nghiệm khôi phục bảo tồn các loại hình văn hoá truyền thống các dân tộc thiểu số. Mức thù lao tập luyện, thực hành chương trình mới và thù lao biểu diễn trong chương trình trình diễn, tái hiện, thực nghiệm theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 7 Điều 6 Thông tư này. Số buổi tập do thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ quyết định

phù hợp yêu cầu của từng chương trình và kinh phí thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi dự toán được giao.

4. Hỗ trợ phát triển văn hóa đọc gắn với các thiết chế thư viện

a) Chi xây dựng, mua sắm trang thiết bị phòng thực hành, xây dựng mô hình không gian đa phương tiện và trải nghiệm với sách phục vụ hoạt động phát triển văn hóa đọc tại Thư viện quốc gia Việt Nam theo đề án, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành về thư viện, quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và Nghị định số 104/2026/NĐ-CP;

b) Chi hỗ trợ một lần sửa chữa, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất, bổ sung bổ sung tài nguyên thông tin, tiện ích thư viện, mua sắm trang thiết bị chuyên dụng cho thư viện công lập các cấp bảo đảm tiêu chí theo quy định pháp luật, theo quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền: Thực hiện theo nguyên tắc bố trí vốn đối ứng của ngân sách địa phương quy định tại Điều 7 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg, Nghị định số 104/2026/NĐ-CP và pháp luật có liên quan. Mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương tối đa 1.000 triệu đồng/thư viện đối với thư viện công cộng cấp tỉnh, 400 triệu đồng/thư viện đối với thư viện công cộng cấp xã;

c) Chi xây dựng mô hình không gian đa phương tiện và trải nghiệm với sách tại thư viện công cộng cấp tỉnh theo quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền: Thực hiện theo nguyên tắc bố trí vốn đối ứng của ngân sách địa phương quy định tại Điều 7 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg, Nghị định số 104/2026/NĐ-CP và pháp luật có liên quan. Mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương tối đa 1.000 triệu đồng/thư viện;

d) Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động của thư viện công lập tại các xã có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các xã bãi ngang ven biển và hải đảo. Mức hỗ trợ: 50 triệu đồng/thư viện cấp xã/năm;

đ) Chi hỗ trợ phát triển kho tài liệu luân chuyển (tài nguyên thông tin thư viện) của thư viện công cộng cấp tỉnh: Thực hiện theo nguyên tắc bố trí vốn đối ứng của ngân sách địa phương quy định tại Điều 7 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg. Mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương tối đa 300 triệu đồng/thư viện công cộng cấp tỉnh giai đoạn 2025 – 2030;

e) Hỗ trợ 01 xe ô tô thư viện lưu động (đảm bảo tiêu chuẩn kết cấu kỹ thuật, công năng, định mức sử dụng) và tài nguyên thông tin, các thiết bị chuyên dùng cho xe trong giai đoạn 2025 – 2030 theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL và theo kế hoạch thực hiện Chương trình do cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ tối đa từ ngân sách trung ương: 2.000 triệu đồng/xe đối với các tỉnh, thành phố chưa có xe ô tô thư viện lưu động đa phương tiện và các tỉnh, thành phố thuộc khu vực biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn;

g) Hỗ trợ xây dựng mô hình điểm thư viện cộng đồng tại những địa phương chưa có thư viện cấp xã đã được xã bố trí trụ sở để xây dựng mô hình điểm theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL. Mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương tối đa 500 triệu đồng/mô hình/xã. Số lượng mô hình được hỗ trợ trong giai đoạn 2025 – 2030 theo kế hoạch thực hiện Chương trình do cấp có thẩm quyền quyết định.

5. Thí điểm thiết lập mô hình Khu vui chơi cho trẻ em tại cơ sở khám chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế, thí điểm xây dựng mô hình Tủ sách tại bệnh viện

a) Chi hỗ trợ xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo và mua sắm trang thiết bị để thí điểm mô hình Khu vui chơi cho trẻ em tại cơ sở khám chữa bệnh công lập trực thuộc Bộ Y tế: Số lượng Khu vui chơi được hỗ trợ, mức hỗ trợ do Bộ trưởng Bộ Y tế quyết định trong phạm vi dự toán được giao;

b) Chi hỗ trợ thí điểm xây dựng mô hình Tủ sách tại bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế: Chi hỗ trợ một lần trong giai đoạn 2026 – 2030 kinh phí sửa chữa, cải tạo, xây dựng mô hình thí điểm Tủ sách tại bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế và mua sắm sách, tài liệu, thiết bị cho mô hình thí điểm Tủ sách tại bệnh viện: 400 triệu đồng/mô hình;

c) Các nội dung chi khác phục vụ xây dựng và nhân rộng mô hình thực hiện theo quy định tại Điều 16 Thông tư này.

6. Đối tượng, phạm vi, nội dung hoạt động khác (nếu có): Thực hiện theo quy định tương ứng tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL, văn bản hướng dẫn chuyên môn của Bộ Tư pháp, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế theo phân công tại Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL. Nội dung, mức chi tương ứng theo quy định tại Chương II Thông tư này và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 20. Nội dung và mức chi thành phần 3 – Nâng cao hiệu quả thông tin tuyên truyền và giáo dục văn hóa

1. Phát huy vai trò của cơ quan truyền thông, báo chí, hệ thống thông tin cơ sở nhằm quảng bá, tăng cường thông tin đối ngoại, lan tỏa giá trị văn hóa tốt đẹp, phản bác, đấu tranh với các thông tin sai trái, thù địch, xấu độc

a) Tổ chức sản xuất, đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ các cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình sản xuất các chương trình: Thực hiện theo định mức kinh tế - kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 04 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của

đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi chung là Nghị định số 32/2019/NĐ-CP) và quy định tại Chương II Thông tư này;

b) Chi tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về phát triển văn hóa; đấu tranh, phản bác các thông tin, quan điểm sai trái, thù địch của các thế lực thù địch về văn hóa, con người Việt Nam; tuyên truyền, phổ biến hình ảnh quốc gia ra thế giới, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các sản phẩm phát thanh, truyền hình bằng tiếng dân tộc và tiếng nước ngoài (trừ các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và bố trí theo chương trình, đề án, dự án khác), truyền thông quảng bá văn hóa đọc và các chương trình tuyên truyền khác: Thực hiện theo quy định tại Chương II Thông tư này;

c) Chi phát trên các kênh sóng, đăng tải trên các ứng dụng internet, nền tảng số, mạng xã hội, trang thông tin điện tử do các đài phát thanh, truyền hình, các cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình tạo lập và quản lý: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và quy định tại Chương II Thông tư này;

d) Xuất bản các ấn phẩm về tri thức, văn hóa theo hướng dẫn tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL: Thực hiện theo Thông tư số 32/2021/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện xuất bản phẩm sử dụng ngân sách nhà nước, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BVHTTDL ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, quy định của pháp luật về đấu thầu và Nghị định số 32/2019/NĐ-CP; số xuất bản phẩm, số lượng bản in, phát hành theo quyết định của cấp có thẩm quyền, phù hợp với dự toán được giao;

đ) Tăng cường năng lực về kiến thức, kỹ năng xử lý thông tin khi thực hiện công tác truyền thông cho đội ngũ làm công tác truyền thông về các vấn đề văn hóa, xã hội; phóng viên, biên tập viên báo chí; cán bộ làm công tác quản lý thông tin cơ sở theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

2. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghệ thuật, di sản văn hóa

a) Giới thiệu các nội dung về văn hóa, nghệ thuật dân gian, các loại hình nghệ thuật đặc sắc tiêu biểu trong các môn học và hoạt động giáo dục, triển khai hiệu quả các hoạt động giáo dục nghệ thuật trong các chương trình thuộc hệ thống giáo dục quốc dân: Thực hiện theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nội dung, mức chi quy định tại Chương II Thông tư này;

b) Triển khai các hoạt động giáo dục nghệ thuật, nâng cao năng lực thẩm mỹ cho thanh, thiếu niên Việt Nam ngoài nhà trường, tập trung tại các thiết chế văn hóa cơ sở, thiết chế văn hóa, nghệ thuật: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL và nội dung, mức chi quy định tại Chương II Thông tư này;

c) Triển khai các chương trình giáo dục di sản văn hóa tại các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tàng, chú trọng kết hợp với hệ thống cơ sở giáo dục các cấp theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL. Nội dung, mức chi quy định tại Chương II Thông tư này và quy định sau:

- Thuê chuyên gia, nhà nghiên cứu hướng dẫn, giảng bài về di sản văn hóa; mời nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể hướng dẫn truyền dạy. Mức chi theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC. Tùy tình hình thực tế và trong phạm vi dự toán được giao, thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ quyết định hỗ trợ phụ cấp tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ, tiền phương tiện đi lại cho chuyên gia, nhà nghiên cứu, nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể. Mức chi theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC;

- Truyền thông, quảng bá về di sản văn hóa Việt Nam trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên môi trường số. Nội dung và mức chi theo quy định tại Điều 113 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP và quy định tại Điều 6 Thông tư này.

3. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho công tác thông tin, tuyên truyền tại cơ sở, đặc biệt là các địa bàn vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số

a) Hỗ trợ trang thiết bị, sản phẩm văn hóa phục vụ công tác tuyên truyền, văn hóa - văn nghệ cho đối tượng chuyên trách tuyên truyền văn hóa bộ đội biên phòng tuyến biên giới, hải đảo. Nội dung hỗ trợ theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL. Mức chi theo quy định tại Chương II Thông tư này và quy định sau:

- Chi trang bị, bổ sung, thay thế, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp các thiết bị phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền, văn hóa, văn nghệ; mua sắm trang phục biểu diễn, nhạc cụ, đạo cụ, biển hiệu, phông màn, pano, maket, tủ trưng bày và các dụng cụ phục vụ tuyên truyền cơ động tại cơ sở. Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 104/2026/NĐ-CP, quy định của pháp luật về đấu thầu, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao;

- Chi chuyển quyền sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan hoặc sản xuất, sao chép, phát hành các sản phẩm văn hóa - tuyên truyền phục vụ công tác tuyên truyền, vận động quần chúng tại vùng biên giới, hải đảo thực hiện theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật có liên quan;

- Chi hỗ trợ thiết lập, nâng cấp và vận hành không gian văn hóa, thư viện, tủ sách, điểm đọc, phòng truyền thống hoặc phòng đa năng văn hóa - thông tin phục vụ bộ đội và nhân dân khu vực biên giới, hải đảo. Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 104/2026/NĐ-CP, pháp luật về đấu thầu, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao;

b) Tổ chức liên hoan tuyên truyền văn hóa tuyến biên giới, hải đảo cho các đồn biên phòng theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL. Nội dung và mức chi của thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư này;

c) Chi hỗ trợ ô tô chuyên dụng và trang thiết bị hoạt động cho Đội Tuyên truyền lưu động của Trung tâm văn hóa cấp tỉnh trong giai đoạn 2025-2030 theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL và quyết định của cấp có thẩm quyền. Mức hỗ trợ tối đa từ ngân sách trung ương là 2.000 triệu đồng/xe/Trung tâm (bao gồm: tiền mua xe tối đa 1.500 triệu đồng/xe và mua sắm trang thiết bị tối đa 500 triệu đồng/xe) đối với các Trung tâm văn hóa cấp tỉnh chưa có xe cho Đội Tuyên truyền lưu động. Việc mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan;

d) Chi hỗ trợ trang thiết bị chiếu phim kỹ thuật số cho các đội chiếu phim lưu động phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào đang sinh sống tại miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, xã đảo, đặc khu; hỗ trợ cơ sở hạ tầng thực hiện phổ biến trực tuyến các phim thuộc sở hữu của Nhà nước

- Chi hỗ trợ trang thiết bị chiếu phim kỹ thuật số cho các đội chiếu phim lưu động: Trang thiết bị thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL; địa bàn tỉnh, thành phố được hỗ trợ theo quyết định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số lượng đội chiếu phim lưu động, địa bàn cụ thể và trang thiết bị cụ thể được hỗ trợ do địa phương quyết định phù hợp với dự toán được giao;

- Chi hỗ trợ cơ sở hạ tầng thực hiện phổ biến trực tuyến các phim thuộc sở hữu của Nhà nước: Xây dựng và vận hành nền tảng phổ biến phim trực tuyến do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý thực hiện theo quy định của pháp luật của công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Việc lựa chọn, đăng tải và triển khai phát hành, phổ biến phim theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL và quy định tại Chương II Thông tư này.

4. Đối tượng, phạm vi, nội dung hoạt động khác (nếu có): Thực hiện theo quy định tương ứng tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL, văn bản hướng dẫn chuyên môn của Bộ Công an, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo phân công tại Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL. Nội dung, mức chi tương ứng theo quy định tại Chương II Thông tư này và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 21. Nội dung và mức chi thành phần 4 – Bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa dân tộc

1. Bảo tồn, phục hồi, phát huy giá trị di tích theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Nội dung chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL, trong đó bao gồm:

a) Chi cho việc kiểm kê di tích trên địa bàn các tỉnh, thành phố; chi xác định giá trị, nghiên cứu lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng các di tích quốc gia đặc biệt, di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới của Việt Nam đề nghị UNESCO công nhận; chi lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt, di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới của Việt Nam được UNESCO công nhận và một số cụm di tích quốc gia; chi lập quy hoạch khảo cổ đối với các địa điểm, di chỉ, di tích khảo cổ có giá trị; chi tổ chức khoanh vùng, cắm mốc các địa điểm, di tích khảo cổ, di tích quốc gia, quốc gia đặc biệt đã được xếp hạng; chi lập quy hoạch khảo cổ đối với các địa điểm, di chỉ, di tích khảo cổ có giá trị; tổ chức khoanh vùng, cắm mốc các địa điểm, di tích khảo cổ, di tích quốc gia, quốc gia đặc biệt đã được xếp hạng;

Mức chi các nội dung nêu trên thực hiện theo các mức chi tương ứng quy định tại Nghị định số 308/2025/NĐ-CP và quy định tại Thông tư này;

b) Chi hỗ trợ sửa chữa, duy tu, bảo trì, bảo dưỡng, tu bổ, tôn tạo, tu sửa cấp thiết các di tích được xếp hạng cấp quốc gia; di tích tại các xã, vùng An toàn khu (ATK) đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận là xã, vùng ATK có giá trị đang bị xuống cấp nghiêm trọng theo quy định của cấp có thẩm quyền. Mức hỗ trợ theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong phạm vi dự toán được phê duyệt, tối đa 10 tỷ đồng/di tích;

c) Chi rà soát, đánh giá, lựa chọn thí điểm mô hình đô thị di sản tại một số đô thị theo tiêu chí quy định của Chính phủ; rà soát, đánh giá, lựa chọn di tích kiến trúc nghệ thuật tiêu biểu ở các loại hình kiến trúc gỗ, gạch đá; chi nghiên cứu, xây dựng các quy trình kỹ thuật tối ưu theo các chất liệu gỗ, gạch, đá làm hình mẫu cho việc triển khai công tác tu bổ di tích kiến trúc, nghệ thuật ở Việt Nam. Nội dung và mức chi áp dụng theo quy định tại Nghị định số 265/2025/NĐ-CP, Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN, Điều 97 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP và quy định tại Chương II Thông tư này;

d) Chi nâng cao năng lực của các cộng đồng - chủ nhân sáng tạo và cộng đồng - chủ nhân sở hữu của các di sản văn hóa trong việc bảo tồn, phục hồi, phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể kết hợp với khai thác các giá trị di sản văn hóa phi vật thể. Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL và quy định tại Chương II Thông tư này.

2. Bảo tồn, phục hồi, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể

a) Nội dung chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL, trong đó bao gồm:

- Chi kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể;

- Chi lựa chọn, xây dựng hồ sơ khoa học các di sản văn hóa phi vật thể đề nghị ghi danh vào danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và đề nghị UNESCO ghi danh vào các danh sách của UNESCO;

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, dự án bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể sau khi được ghi danh trong Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể hoặc di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh gắn với phát triển bền vững; chú trọng các di sản văn hóa có phạm vi phân bố liên vùng (liên quốc gia, liên tỉnh, liên xã) gắn với liên kết phát triển bền vững khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt bố trí kinh phí thực hiện từ nguồn chi thường xuyên (trong đó bao gồm: Chi xây dựng chương trình, đề án, dự án bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể sau khi được ghi danh, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, chi xây dựng các báo cáo để thực hiện cam kết của quốc gia thành viên với UNESCO, chi nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa, phục hồi các di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ mai một, thất truyền, chi hỗ trợ cho chủ thể di sản văn hóa phi vật thể, gồm: chi hỗ trợ các câu lạc bộ nhóm thực hành di sản văn hóa phi vật thể; hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân, người thực hành tham gia các hoạt động truyền dạy, lưu truyền, phổ biến, phục hồi di sản văn hóa phi vật thể và đào tạo, bồi dưỡng, truyền dạy cho người kế cận hoặc cho cộng đồng khi tham gia vào các hoạt động, chương trình, đề án, dự án do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định; chi thù lao cho nghệ nhân, người thực hành tham gia hướng dẫn, tập huấn, truyền dạy cho cộng đồng; chi tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ thực hành, truyền dạy về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể);

- Chi tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về di sản văn hóa ở trong nước và nước ngoài, bao gồm: chi thông tin, truyền thông, giáo dục thông qua hình thức hội nghị, hội thảo, tọa đàm; chi thông tin, truyền thông, giáo dục thông qua hình thức triển lãm, trưng bày chuyên đề về di sản văn hóa; chi thông tin, truyền thông, giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên môi trường điện tử; chi hoạt động liên hoan, thực hành, trình diễn di sản văn hóa phi vật thể phạm vi quốc gia và quốc tế;

b) Mức chi các nội dung nêu trên thực hiện theo các mức chi tương ứng quy định tại Nghị định số 308/2025/NĐ-CP và quy định tại Thông tư này.

3. Bảo tồn, phát huy giá trị di sản tư liệu, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia

Nội dung chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL, trong đó bao gồm: chi cho việc kiểm kê di sản tư liệu; chi lựa chọn, xây dựng hồ sơ khoa học các di sản tư liệu đưa vào Danh mục quốc gia về di sản tư liệu và đề nghị UNESCO ghi danh; chi xác định giá trị, nghiên cứu, lập hồ sơ khoa học đề nghị công nhận bảo vật quốc gia; chi nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê; bảo quản, phục hồi, bảo dưỡng, phục chế và phát huy giá trị di sản tư liệu, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; tăng cường bảo vệ, bảo quản bảo vật quốc gia theo chế độ đặc biệt; chi xây dựng, triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án, đề án bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu trong danh mục quốc gia về di sản tư liệu hoặc di sản tư liệu được UNESCO ghi danh Việt Nam; sưu tầm, bảo quản và phát huy giá trị của tài liệu cổ, quý hiếm, bộ sưu tập có giá trị đặc biệt

về lịch sử, văn hóa khoa học; tài liệu địa chí, tác phẩm văn hóa, nghệ thuật dân gian (thực hiện phục chế di sản tư liệu và phát huy giá trị di sản tư liệu theo quy định tại Điều 59 và 60 Luật số 45/2024/QH15, xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án, đề án bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu trong danh mục quốc gia về di sản tư liệu hoặc di sản tư liệu được UNESCO ghi danh); hỗ trợ tìm kiếm, sưu tầm, mua và đưa di vật, cổ vật, di sản tư liệu có giá trị và có nguồn gốc Việt Nam từ nước ngoài về nước;

Mức chi các nội dung chi nêu trên được thực hiện theo các mức chi tương ứng quy định tại Nghị định số 308/2025/NĐ-CP và quy định Thông tư này.

4. Nâng cao năng lực và vận hành hiệu quả hệ thống bảo tàng

Nâng cao chất lượng hoạt động, khai thác, phát huy hiệu quả hệ thống bảo tàng; ưu tiên ứng dụng các kết quả khoa học, công nghệ hiện đại trong hoạt động bảo tàng; đa dạng hoá nội dung, hình thức trưng bày bảo tàng công lập để thu hút khách tham quan, trải nghiệm, nghiên cứu, học tập, tham gia phát triển kinh tế, xã hội. Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL, Nghị định số 308/2025/NĐ-CP và quy định tại Thông tư này.

5. Chi tăng cường trợ giúp pháp lý, đăng ký biện pháp bảo đảm về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 59/2020/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động trợ giúp pháp lý.

6. Đối tượng, phạm vi, nội dung hoạt động khác (nếu có): Thực hiện theo quy định tương ứng tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL, văn bản hướng dẫn chuyên môn của Bộ Tư pháp, Bộ Công an theo phân công tại Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL. Nội dung, mức chi tương ứng theo quy định tại Chương II Thông tư này và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 22. Nội dung và mức chi thành phần 5 – Thúc đẩy phát triển văn học, nghệ thuật

1. Hỗ trợ văn nghệ sĩ trong hoạt động sáng tác văn học, nghệ thuật theo các chương trình trại sáng tác, lưu trú nghệ thuật; hỗ trợ tạo nguồn kịch bản nghệ thuật, sản xuất, lưu hành tác phẩm

a) Hỗ trợ văn nghệ sĩ có tiềm năng sáng tác tham gia các chương trình trại sáng tác văn học, nghệ thuật theo các chương trình trại sáng tác hoặc do các hiệp hội nghề nghiệp trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật đề cử, giới thiệu. Việc lựa chọn tác giả thực hiện theo quy định về hỗ trợ hoạt động khuyến khích phát triển văn học tại Nghị định số 350/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về khuyến khích phát triển văn học (sau đây gọi là Nghị định số 350/2025/NĐ-CP). Số lượng đề cương, tác phẩm được hỗ trợ theo phê duyệt của Hội đồng chuyên môn do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc các Hội Văn học nghệ thuật chuyên ngành Trung ương thành lập;

- Hỗ trợ đề cương được Hội đồng chuyên môn lựa chọn: Mức hỗ trợ theo loại hình tác phẩm văn học, nghệ thuật, tối đa không quá 5 lần mức lương cơ sở hoặc 30% mức hỗ trợ tác phẩm sau khi được nghiệm thu;

- Hỗ trợ tác phẩm sau khi được Hội đồng chuyên môn nghiệm thu: Mức hỗ trợ theo loại hình tác phẩm văn học, nghệ thuật, tối đa không quá 20 lần mức lương cơ sở;

b) Tổ chức trại sáng tác văn học, nghệ thuật thực hiện theo quy định về tổ chức trại viết, trại sáng tác văn học tại Nghị định số 350/2025/NĐ-CP. Thời gian tổ chức cho các tác giả tham gia trực tiếp tại trại sáng tác tối đa không quá 15 ngày. Nội dung và mức chi cụ thể:

- Chi hỗ trợ tiền ăn và tiền phòng nghỉ: Mức hỗ trợ tối đa bằng mức tiền ăn và tiền phòng nghỉ tham dự hội nghị, hội thảo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC;

- Chi tổ chức hội thảo, hội nghị (nếu có) thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này;

- Chi hỗ trợ đi lại: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC;

- Chi thuê phương tiện đi lại, địa điểm, bàn ghế, trang thiết bị, nguyên liệu, vật liệu phục vụ hoạt động sáng tác và các chi phí cần thiết khác: Thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao;

c) Đầu tư chiều sâu tạo nguồn kịch bản sân khấu và điện ảnh theo Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL và hướng dẫn chuyên môn lĩnh vực sân khấu, điện ảnh của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cụ thể: xây dựng kế hoạch, ban hành quy chế, thể lệ; thành lập Hội đồng chuyên gia; tổ chức phát động, thông tin tuyển chọn; lựa chọn các đề cương kịch bản có chất lượng để đầu tư chiều sâu; tổ chức nghiệm thu kịch bản hoàn thành và công bố kết quả theo quy định; mời tác giả tham gia nghiên cứu thực tế tại địa phương và hoàn thiện kịch bản. Mức chi theo quy định tại Chương II Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan;

d) Hỗ trợ tạo nguồn kịch bản nghệ thuật, sản xuất và lưu hành tác phẩm theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL, bao gồm:

- Tuyển chọn đề cương, kịch bản nghệ thuật: Thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 9 và Điều 10 Chương II Thông tư này;

- Hỗ trợ sản xuất đối với các kịch bản nghệ thuật, tác phẩm văn học, nghệ thuật đã đạt giải thưởng hoặc đã được công bố, được cơ quan có thẩm quyền công nhận giá trị sáng tạo: Nội dung và phương thức hỗ trợ thực hiện theo quy định của Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL, Nghị định số 350/2025/NĐ-CP. Mức hỗ trợ theo định mức kinh tế - kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan có liên quan ban hành, quy định của Chính phủ về

phụ cấp ưu đãi nghề, chế độ bồi dưỡng luyện tập và biểu diễn đối với viên chức, người lao động hoạt động đặc thù nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập nghệ thuật biểu diễn, đơn vị nghệ thuật biểu diễn thuộc lực lượng vũ trang, quy định của pháp luật bản quyền tác giả, quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 13, Điều 14 và Điều 15 Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan, phù hợp với từng loại hình tác phẩm;

- Hỗ trợ hoạt động quảng bá, phổ biến và lưu hành tác phẩm: Thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 13 và Điều 14 Thông tư này.

2. Xây dựng hệ sinh thái phát triển nghệ thuật với các tổ chức giảng dạy, không gian nghệ thuật, nhà ở nghệ thuật và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân bằng các khoản trợ cấp, học bổng nghệ thuật; hỗ trợ học sinh, sinh viên các ngành văn hóa, nghệ thuật trong quá trình thực hiện các bài thi tốt nghiệp trên sân khấu và sáng tác nghệ thuật, văn học

a) Xây dựng hệ sinh thái phát triển nghệ thuật và cơ chế hỗ trợ sáng tạo thực hiện theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan;

b) Hỗ trợ học sinh, sinh viên các ngành văn hóa, nghệ thuật trong quá trình thực hiện các bài thi tốt nghiệp trên sân khấu và sáng tác nghệ thuật, văn học theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL. Số lượng sinh viên được hỗ trợ công diễn, báo cáo công khai, giới thiệu tác phẩm ở trong và ngoài nước do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định, bảo đảm trong phạm vi dự toán được giao. Mức hỗ trợ công diễn, báo cáo, giới thiệu tác phẩm theo quy định tại Thông tư này và các quy định hiện hành, tối đa không quá 10 triệu đồng/tác phẩm công diễn, báo cáo trong nước; tối đa 50 triệu đồng/tác phẩm được công diễn, giới thiệu ở nước ngoài (trong đó bao gồm chi phí nguyên vật liệu và chi phí ăn ở, đi lại của tác giả).

3. Tổ chức định kỳ các cuộc thi, trại sáng tác văn học, nghệ thuật và chương trình nghệ thuật quốc tế ở Việt Nam nhằm tạo điều kiện cho các nhà nghiên cứu và văn nghệ sĩ giao lưu, học hỏi kinh nghiệm của thế giới

a) Tổ chức định kỳ các cuộc thi, liên hoan, chương trình nghệ thuật quốc tế tại Việt Nam theo từng loại hình văn học, nghệ thuật, phù hợp với định hướng phát triển văn hóa, nghệ thuật và điều kiện thực tế của từng giai đoạn theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền. Nội dung và mức chi theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 12, Điều 13 và Điều 15 Thông tư này, khoản 8 Điều này và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan. Riêng chi bồi dưỡng luyện tập, bồi dưỡng biểu diễn thực hiện theo quy định của Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, chế độ bồi dưỡng luyện tập, bồi dưỡng biểu diễn;

b) Tổ chức định kỳ các trại sáng tác văn học, nghệ thuật thực hiện theo quy định tại Nghị định số 350/2025/NĐ-CP và quy định tại Điều 5, Điều 9, Điều 10 và Điều 14 Thông tư này.

4. Hỗ trợ phát triển hoạt động lý luận, phê bình, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật

a) Định kỳ tổ chức hội thảo lý luận phê bình văn học, nghệ thuật cấp quốc gia và khu vực. Nội dung và mức chi theo quy định tại Điều 5, Điều 9 và Điều 12 Thông tư này;

b) Giao nhiệm vụ, đặt hàng các bài viết, công trình nghiên cứu lý luận phê bình văn học, nghệ thuật theo các lĩnh vực: văn học, sân khấu, âm nhạc, múa, điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm, nghệ thuật đương đại khác; nghiên cứu chuyên khảo về phương pháp sáng tác. Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 265/2025/NĐ-CP, Nghị định số 350/2025/NĐ-CP, quy định tại Chương II Thông tư này và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan;

c) Dịch thuật sách và công trình nghiên cứu liên quan đến hoạt động lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 350/2025/NĐ-CP và quy định tại Điều 5, Điều 9 và Điều 10 Thông tư này;

d) Hỗ trợ nâng cao năng lực nghiên cứu cơ bản, tổng kết lý luận, thực tiễn, dự báo xu thế phát triển văn hóa, phục vụ nhiệm vụ hoạch định, tư vấn đường lối, chính sách, chiến lược phát triển ngành: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL, Nghị định số 265/2025/NĐ-CP, quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 10 Thông tư này và pháp luật hiện hành có liên quan.

5. Hỗ trợ cơ sở vật chất hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển văn học, nghệ thuật

a) Đầu tư, hiện đại hóa trang thiết bị kỹ thuật của các đoàn nghệ thuật công lập ở trung ương và địa phương trong trường hợp cấp có thẩm quyền phê duyệt đầu tư từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước. Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 104/2026/NĐ-CP và quy định của pháp luật về đấu thầu;

b) Đầu tư trang thiết bị, phương tiện, cơ sở vật chất hiện đại đạt tiêu chuẩn phục vụ thẩm định, giám định tác phẩm nghệ thuật trong trường hợp cấp có thẩm quyền phê duyệt đầu tư bằng nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước. Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 104/2026/NĐ-CP và quy định của pháp luật về đấu thầu.

6. Đầu tư có trọng điểm các công trình, tác phẩm văn học, nghệ thuật đỉnh cao của Việt Nam

a) Đầu tư có trọng điểm các công trình, tác phẩm văn học, nghệ thuật đỉnh cao của Việt Nam theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong đó bao gồm chi sản xuất phim, thực hiện các tác phẩm, chương trình nghệ thuật nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước thông qua đặt hàng, giao nhiệm vụ sáng tác, sưu tầm, trình diễn các tác phẩm nghệ thuật biểu diễn, văn học, mỹ thuật, nhiếp

ảnh đỉnh cao và đương đại. Nội dung và phương thức hỗ trợ thực hiện theo quy định của Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL, Nghị định số 350/2025/NĐ-CP. Mức hỗ trợ theo định mức kinh tế - kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan có liên quan ban hành, quy định của Chính phủ về phụ cấp ưu đãi nghề, chế độ bồi dưỡng luyện tập và biểu diễn đối với viên chức, người lao động hoạt động đặc thù nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập nghệ thuật biểu diễn, đơn vị nghệ thuật biểu diễn thuộc lực lượng vũ trang, quy định của pháp luật bản quyền tác giả, quy định tại Chương II Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan, phù hợp với từng loại hình công trình, tác phẩm. Đối với nội dung và mức chi Hội đồng nghệ thuật, Hội đồng giám khảo, Tổ thư ký thực hiện theo mức chi đối với Hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại Nghị định số 265/2025/NĐ-CP và Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN;

b) Hình thành, nâng cao giá trị, chất lượng, uy tín các giải thưởng quốc gia về văn hóa, văn học, nghệ thuật: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL, khoản 8 Điều này và Chương II Thông tư này.

7. Hỗ trợ quảng bá, phổ biến tác phẩm, thành tựu văn học nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật đến đông đảo nhân dân

a) Chi xây dựng Chương trình sáng tác, nghiên cứu, tạo lập cơ sở dữ liệu và công bố các tác phẩm về văn học, nghệ thuật Việt Nam vì sự nghiệp Cách mạng, tiến tới kỷ niệm 90 năm thành lập Nước, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng, gồm: Xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình sáng tác; xây dựng, tạo lập và khai thác cơ sở dữ liệu về các tác phẩm. Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL, định mức kinh tế - kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành, quy định tại Điều 5, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 13 và Điều 15 Thông tư này, mức chi theo các quy định của pháp luật hiện hành và quy định của pháp luật về đấu thầu;

b) Chi lựa chọn các chương trình, vở diễn đoạt giải thưởng tại các cuộc thi, liên hoan chuyên nghiệp do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức; các chương trình, vở diễn có chất lượng cao để biểu diễn trên toàn quốc nhằm nâng cao khả năng cảm thụ nghệ thuật của nhân dân. Số lượng chương trình, vở diễn và số buổi biểu diễn theo kế hoạch thực hiện chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL, định mức kinh tế - kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan có liên quan ban hành, quy định của Chính phủ về phụ cấp ưu đãi nghề, chế độ bồi dưỡng luyện tập và biểu diễn đối với viên chức, người lao động hoạt động đặc thù nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập nghệ thuật biểu diễn, đơn vị nghệ thuật biểu diễn thuộc lực lượng vũ trang, quy định của pháp luật bản quyền tác giả, quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 12 và Điều 13 Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan, phù hợp với từng loại hình chương trình, vở diễn;

c) Chi hỗ trợ xây dựng Chương trình dịch thuật về lý luận văn hóa, văn học, nghệ thuật, làm căn cứ cho việc tiếp thu, vận dụng và phát triển lý luận văn hóa, văn học, nghệ thuật của Việt Nam: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL, Nghị định số 350/2025/NĐ-CP, định mức kinh tế - kỹ thuật về xuất bản do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành và quy định tại Điều 5, Điều 9 và Điều 10 Thông tư này;

d) Quảng bá trên nền tảng công nghệ số thực hiện theo quy định tại Điều 6 và Điều 8 Thông tư này, pháp luật về đấu thầu và pháp luật hiện hành có liên quan;

đ) Tổ chức các sự kiện quốc gia, quốc tế trong lĩnh vực mỹ thuật, nhiếp ảnh, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh. Nội dung và mức chi theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 12, Điều 13 và Điều 15 Thông tư này;

e) Hỗ trợ hoạt động phổ biến phim phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, xã đảo, đặc khu thực hiện theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và quy định tại Điều 6 Điều 9, Điều 13, Điều 14 Thông tư này;

g) Chi hỗ trợ kinh phí xây dựng kịch bản, nội dung để sản xuất sản phẩm trò chơi điện tử (game) có nội dung giáo dục, văn hóa, truyền thống, lịch sử của dân tộc Việt Nam phát hành trong và ngoài nước thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 8 và Điều 10 Thông tư này.

8. Hỗ trợ tổ chức giải thưởng, cuộc thi, liên hoan văn học, nghệ thuật và chương trình nghệ thuật quy mô quốc gia ở trong nước và quốc tế tại Việt Nam (sau đây viết tắt là cuộc thi)

a) Chi hỗ trợ tiền ăn và tiền phòng nghỉ cho Ban tổ chức và người tham gia cuộc thi: Mức hỗ trợ tối đa bằng mức tiền ăn và tiền phòng nghỉ tham dự hội nghị quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC;

b) Chi hỗ trợ đón, đưa khách nước ngoài từ sân bay về nơi ở và ngược lại, từ nơi ở đến nơi tổ chức cuộc thi và thăm quan (nếu có) trong thời gian ở Việt Nam: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và trong phạm vi dự toán được giao;

c) Chi mua nguyên liệu, vật liệu, vật tư: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và trong phạm vi dự toán được giao;

d) Chi hội nghị, hội thảo trong nước (nếu có) theo quy định tại Điều 5 Thông tư này. Chi hội nghị, hội thảo quốc tế (nếu có) theo quy định tại Thông tư số 35/2026/TT-BTC;

đ) Chi giải thưởng: Ban Tổ chức cuộc thi, liên hoan quyết định cơ cấu, số lượng giải thưởng phù hợp với quy mô cuộc thi, liên hoan, trong phạm vi dự toán được giao. Mức chi giải thưởng từ nguồn ngân sách nhà nước tối đa như sau:

- Giải thưởng đối với cuộc thi: Giải đặc biệt/xuất sắc: 50 lần mức lương cơ sở/giải tập thể, 25 lần mức lương cơ sở/giải cá nhân; giải nhất, huy chương vàng: 30 lần mức lương cơ sở/giải tập thể, 15 lần mức lương cơ sở/giải cá nhân; giải nhì, huy chương bạc: 20 lần mức lương cơ sở đồng/giải tập thể; 10 lần mức lương cơ sở/giải cá nhân; giải ba, huy chương đồng: 15 lần mức lương cơ sở/giải tập thể; 7,5 lần mức lương cơ sở/cá nhân; giải khuyến khích và tương đương (nếu có): 10 lần mức lương cơ sở/giải tập thể; 5 lần mức lương cơ sở/cá nhân;

- Giải thưởng đối với liên hoan: Huy chương vàng/giải xuất sắc: 50 lần mức lương cơ sở/tập thể; 07 lần - 10 lần mức lương cơ sở/cá nhân; huy chương bạc: 30 lần mức lương cơ sở/tập thể, 05 - 07 lần mức lương cơ sở/cá nhân;

Mức chi giải thưởng quy định tại điểm này được áp dụng mức tối đa đối với các cuộc thi, liên hoan chuyên nghiệp do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức; đối với các cuộc thi, liên hoan do các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác tổ chức, mức chi tối đa bằng 75% mức chi tương ứng quy định tại điểm này;

e) Chi Hội đồng giám khảo, Hội đồng nghệ thuật và tương đương (sau đây gọi là Hội đồng giám khảo), Tổ thư ký giúp việc Hội đồng giám khảo: Số lượng thành viên Hội đồng giám khảo, Tổ thư ký do Ban Tổ chức quyết định phù hợp với quy mô cuộc thi, liên hoan. Nội dung và mức chi Hội đồng nghệ thuật, Hội đồng giám khảo, Tổ thư ký thực hiện theo mức chi đối với Hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại Nghị định số 265/2025/NĐ-CP và Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN và các văn bản hướng dẫn hoặc theo mức chi thuê chuyên gia quy định tại Điều 10 Thông tư này;

g) Chi chế độ bồi dưỡng luyện tập, bồi dưỡng biểu diễn thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, chế độ bồi dưỡng luyện tập, bồi dưỡng biểu diễn;

h) Chi phí phát sinh khác: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong phạm vi dự toán được giao và quy định tại khoản 6, khoản 8 Điều 3 Thông tư này.

9. Đối tượng, phạm vi, nội dung hoạt động khác (nếu có): Thực hiện theo quy định tương ứng tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL. Nội dung, mức chi tương ứng theo quy định tại Chương II Thông tư này và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 23. Nội dung và mức chi thành phần 6 – Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa

1. Chi hỗ trợ phát triển các trung tâm công nghiệp văn hóa

Chi hỗ trợ phát triển mạng lưới thành phố sáng tạo Việt Nam thuộc mạng lưới thành phố sáng tạo của UNESCO, hệ thống các không gian văn hóa, sáng tạo trên cả nước, kết nối với các mạng lưới sáng tạo quốc tế; xây dựng hệ sinh thái để liên kết giữa các nghệ sĩ và người thực hành sáng tạo, các không gian văn hóa và doanh nghiệp, tạo thị trường cho các ngành công nghiệp văn hóa phát triển; hỗ trợ

các làng nghề chuyển đổi, phát triển theo định hướng công nghiệp văn hóa, sáng tạo, hỗ trợ các di sản công nghiệp chuyển đổi, tái thiết thành các không gian văn hóa, sáng tạo. Nội dung chi thực hiện theo Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL, nội dung cụ thể và mức chi theo quy định tại Chương II Thông tư này và quy định của pháp luật hiện hành.

2. Hỗ trợ phát triển thị trường cho các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam

a) Hỗ trợ các doanh nghiệp, cá nhân sản xuất kinh doanh trong các ngành công nghiệp văn hóa tham gia các sự kiện, hội chợ xúc tiến thương mại quốc tế trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL và chi hỗ trợ truyền thông và quảng bá sản phẩm công nghiệp văn hóa tại thị trường quốc tế theo quy định tại Điều 6 và Điều 25 Thông tư này;

b) Tổ chức các chương trình, sự kiện, triển lãm nhằm quảng bá thương hiệu, giới thiệu, xúc tiến thương mại của một số ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam. Thực hiện theo quy định tại quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL và Điều 5 và Điều 6 Thông tư này.

3. Hỗ trợ phát triển thương hiệu, doanh nghiệp các ngành công nghiệp văn hóa có năng lực cạnh tranh cao theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL. Mức chi cụ thể thực hiện theo quy định tại Chương II Thông tư này và các quy định của pháp luật hiện hành.

4. Nâng cao hiệu quả bảo hộ bản quyền tác giả trong việc phát triển công nghiệp văn hóa theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL. Mức chi thực hiện theo quy định tại Chương II Thông tư này và quy định của pháp luật hiện hành.

5. Đối tượng, phạm vi, nội dung hoạt động khác (nếu có): Thực hiện theo quy định tương ứng tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL, văn bản hướng dẫn chuyên môn của Bộ Công Thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo phân công tại Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL. Nội dung, mức chi tương ứng theo quy định tại Chương II Thông tư này và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 24. Nội dung và mức chi thành phần 7 – Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong lĩnh vực văn hóa

1. Ứng dụng các công nghệ mới phục vụ quản lý nhà nước hiệu quả đối với hoạt động phổ biến bản ghi âm, ghi hình, nội dung nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, mỹ thuật, đặc biệt trên môi trường số. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 15 và Điều 16 Thông tư này.

2. Triển khai Bộ chỉ số văn hóa quốc gia vì sự phát triển bền vững. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 11 và Điều 16 Thông tư này.

3. Các nhiệm vụ khác về đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong lĩnh vực văn hóa (bao gồm xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quản lý Chương trình, thuê dịch vụ công nghệ thông tin,

tập huấn, vận hành, cập nhật dữ liệu và các nội dung khác theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL): Thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Luật Chuyển đổi số, quy định tại Điều 8 Thông tư này và pháp luật hiện hành có liên quan.

4. Đối tượng, phạm vi, nội dung hoạt động khác (nếu có): Thực hiện theo quy định tương ứng tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL, văn bản hướng dẫn chuyên môn của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo phân công tại Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL. Nội dung, mức chi tương ứng theo quy định tại Chương II Thông tư này và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 25. Nội dung và mức chi thành phần 8 – Phát triển nguồn nhân lực văn hóa

1. Phát triển nguồn nhân lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hóa: Nâng cao năng lực đội ngũ lãnh đạo, tham mưu, quản lý nhà nước, hoạch định chính sách, công chức, viên chức liên quan đến phát triển văn hóa; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, kiến thức về xây dựng môi trường văn hóa cơ sở, nghiệp vụ tổ chức hoạt động tại các thiết chế văn hóa cơ sở các cấp; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về văn hóa đối ngoại và ngoại ngữ cho đội ngũ nguồn nhân lực phục vụ công tác văn hóa đối ngoại, ngoại giao văn hóa tại trung ương và địa phương

a) Chi xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, xây dựng, số hóa chương trình và tài liệu đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, chi tổ chức các khóa, lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn: Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư này và quy định riêng của pháp luật chuyên ngành (nếu có);

b) Chi tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước: Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.

2. Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, kỹ năng nghề nghiệp, kiến thức về văn hóa, lịch sử, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, kỹ năng số và giới cho đội ngũ văn nghệ sĩ, đội ngũ sáng tạo, nhân lực hoạt động trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật: Nội dung, mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này, quy định tại Điều 5 Thông tư này và các quy định có liên quan.

3. Đào tạo tài năng trong lĩnh vực văn hóa, văn học nghệ thuật ở trung ương và địa phương

Nội dung chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL. Mức chi các nội dung nêu trên được thực hiện theo các mức chi tương ứng quy định tại Thông tư số 54/2022/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước để thực hiện các đề án đào tạo, bồi dưỡng tài năng trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật và thể dục thể thao (sau đây gọi tắt là

Thông tư số 54/2022/TT-BTC), quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

4. Lựa chọn, cử học sinh, sinh viên và văn nghệ sĩ tài năng, trí thức trẻ có năng lực, khả năng sáng tạo đi đào tạo đại học, sau đại học và bồi dưỡng ngắn hạn ở nước ngoài đối với các ngành/lĩnh vực trong nước chưa có khả năng đào tạo hoặc đào tạo nhưng chất lượng chưa cao ở trung ương và địa phương

Nội dung chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL. Mức chi các nội dung nêu trên được thực hiện theo các mức chi tương ứng quy định tại Thông tư số 54/2022/TT-BTC, quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

5. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về lý luận, phê bình, giám tuyển, giám định, phục chế trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, mỹ thuật, văn học; phát triển nguồn nhân lực đặc thù phục vụ cho lĩnh vực tu bổ, phục hồi di tích, quản lý phát huy giá trị di sản văn hóa ở trong nước và nước ngoài tại những quốc gia có thế mạnh về di sản văn hóa

a) Chi xây dựng kế hoạch, nội dung chương trình đào tạo đại học, sau đại học; tổ chức các khóa đào tạo chính quy: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi là Thông tư số 76/2018/TT-BTC);

b) Chi xây dựng kế hoạch, nội dung các khóa bồi dưỡng, tập huấn; chi tổ chức các khóa bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ ở trong nước và nước ngoài: Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư này;

c) Chi mời chuyên gia, giám tuyển quốc tế: Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư này;

d) Chi hỗ trợ nghiên cứu, sáng tác tác phẩm lý luận, phê bình chất lượng cao: Thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 28/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam, Nghị định của Chính phủ về tiền bản quyền trong các lĩnh vực và các quy định hiện hành có liên quan;

đ) Chi cử chuyên gia trong lĩnh vực phục chế, giám tuyển, giám định tham gia các chương trình bồi dưỡng, đào tạo ở nước ngoài: Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.

6. Đào tạo, phát triển đội ngũ diễn viên, nhạc công thuộc các loại hình nghệ thuật truyền thống để cung cấp cho các đơn vị nghệ thuật truyền thống ở trung ương và địa phương

a) Chi hỗ trợ xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng; tổ chức đào tạo tập trung, chuyên sâu; hỗ trợ đối với giảng viên, chuyên gia, nghệ sĩ, nghệ nhân

tham gia công tác đào tạo, truyền dạy nghệ thuật truyền thống: Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư này, quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có) và pháp luật hiện hành có liên quan;

b) Chi xây dựng tiêu chí và tổ chức xét tuyển, thi tuyển đặc thù: Thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục và pháp luật hiện hành có liên quan;

c) Chi thực hiện chính sách hỗ trợ (học phí, sinh hoạt phí, trang bị học tập): Nội dung hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL, hướng dẫn chuyên môn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Quyết định của cấp có thẩm quyền;

d) Chi hỗ trợ sáng tác, biên đạo, xây dựng tiết mục mới hoặc phục dựng tiết mục truyền thống: Thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 28/2026/QH16, Nghị định của Chính phủ về tiền bản quyền trong các lĩnh vực và các quy định hiện hành có liên quan.

7. Lựa chọn, hỗ trợ và cử văn nghệ sĩ, trí thức, tài năng, giảng viên, giáo viên hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật tham gia các cuộc hội thảo, giao lưu, cuộc thi, sáng tạo nghệ thuật, trao đổi, nghiên cứu kinh nghiệm ở trong nước và ngoài nước

a) Nội dung, mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL, hướng dẫn chuyên môn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định tại Điều 12 Thông tư này và quyết định của cấp có thẩm quyền;

b) Chi khen thưởng đối với các cá nhân, tập thể đạt giải cao tại các cuộc thi quốc tế chính thức thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

8. Tổ chức bồi dưỡng ngắn hạn cho chuyên gia lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật ở trong nước; hỗ trợ, cử chuyên gia đi đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn ở nước ngoài theo quyết định của cấp có thẩm quyền: Nội dung hỗ trợ thực hiện theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và quy định tại Điều 4 Thông tư này.

9. Rà soát, bổ sung ngành, nghề đào tạo thí điểm đáp ứng nhu cầu xã hội, xu thế khu vực và thế giới. Phát triển chuyên ngành mỹ học, nghệ thuật học trong các trường khối nhân văn, xã hội nhằm xây dựng, khẳng định các định hướng trong sáng tạo văn học nghệ thuật: Thực hiện theo quy định tại Chương II Thông tư này và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

10. Tạo môi trường để các chuyên gia, trí thức, văn nghệ sĩ tài năng và học sinh, sinh viên có năng khiếu vượt trội, tài năng lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật được sáng tạo, cống hiến, rèn luyện, phát triển tài năng

Tổ chức các hội thi, hội diễn, chương trình nghệ thuật trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, mỹ thuật, văn học, các hội thi tài năng trẻ học sinh, sinh viên trong lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật trong nước và quốc tế tại Việt Nam: Thực hiện theo quy định tại Điều 22 và quy định tại Chương II Thông tư này.

11. Phát triển nguồn nhân lực các ngành công nghiệp văn hóa

a) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ các nhà biên kịch, đạo diễn, quản lý, sản xuất, phát hành, kỹ thuật, công nghệ,... trong các ngành công nghiệp văn hóa: Nội dung chi thực hiện theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và mức chi theo quy định tại Điều 4 và Điều 12 Thông tư này;

b) Liên kết, phối hợp với các cơ sở đào tạo, tổ chức giáo dục uy tín ở nước ngoài tổ chức đào tạo thí điểm các ngành/chuyên ngành phục vụ phát triển công nghiệp văn hóa: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2025/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 03 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về liên kết đào tạo giữa các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam và cơ sở giáo dục đại học nước ngoài trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan;

c) Xây dựng chương trình, phát triển nội dung chuyên ngành đào tạo về công nghiệp văn hóa trong các trường văn hóa nghệ thuật, chú trọng đào tạo về kinh tế, kỹ thuật, công nghệ trong công nghiệp văn hóa: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC.

12. Nâng cao năng lực các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật

a) Chi hỗ trợ, thu hút, trọng dụng, tuyển dụng nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học, văn nghệ sĩ tài năng, nghệ nhân các ngành, nghề truyền thống tham gia công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật: Thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 28/2026/QH16;

b) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, nghiên cứu khoa học và năng lực ngoại ngữ cho cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên, giáo viên, nghiên cứu viên trong lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số ở trong và ngoài nước: Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư này và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan;

c) Đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo thông qua mời chuyên gia, nhà khoa học, giảng viên và nghệ sĩ tài năng ở nước ngoài (sau đây gọi là chuyên gia nước ngoài) tham gia giảng dạy, trao đổi, hướng dẫn chuyên môn tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật

Chi mời chuyên gia nước ngoài thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 54/2022/TT-BTC; chi tổ chức các hoạt động đào tạo thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

13. Đối tượng, phạm vi, nội dung hoạt động khác (nếu có): Thực hiện theo quy định tương ứng tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL, văn bản hướng dẫn chuyên môn của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo phân công tại Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL. Nội dung, mức chi tương ứng theo quy định tại Chương II Thông tư này và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 26. Nội dung và mức chi thành phần 9 – Hội nhập quốc tế, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và lan tỏa các giá trị văn hóa Việt Nam ra thế giới

1. Phát huy vai trò các trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài

a) Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, thuê, mua trang thiết bị, vật tư, phương tiện phục vụ tổ chức hoạt động văn hóa, nghệ thuật và sinh hoạt cộng đồng tại các trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài, tăng cường kết nối, hợp tác văn hóa quốc tế. Thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền, Nghị định số 104/2026/NĐ-CP và quy định của nước sở tại, trong phạm vi dự toán được giao;

b) Chi thực hiện chiến dịch truyền thông, quảng bá, giới thiệu hình ảnh, giá trị văn hóa Việt Nam tại nước ngoài hằng năm: Thực hiện theo Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL và Điều 6 Thông tư này.

2. Quảng bá văn hóa Việt Nam tại nước ngoài thông qua các hình thức đa dạng

a) Quảng bá văn hóa, thương hiệu Việt Nam tại các sự kiện quốc tế lớn tại nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL

- Chi phí đi lại, tiền ăn, tiền phòng nghỉ của công chức, viên chức, nghệ sĩ, nghệ nhân, người biểu diễn và các thành viên tham gia đoàn quảng bá văn hóa Việt Nam tại nước ngoài. Mức chi tối đa áp dụng bằng mức chi đối với cán bộ, công chức quy định tại Thông tư số 140/2025/TT-BTC. Số lượng người tham gia đoàn quảng bá do cấp có thẩm quyền quyết định, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao;

- Chi thuê địa điểm, thuê nghệ sĩ, người biểu diễn, nhân công hỗ trợ, phục vụ tại nước ngoài: Theo hợp đồng hoặc thỏa thuận bằng văn bản giữa cơ quan tổ chức hoạt động quảng bá và phía nước ngoài, bảo đảm phù hợp với luật pháp nước sở tại;

- Chi luyện tập, biểu diễn trong các chương trình nghệ thuật thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 22 Thông tư này;

- Chi phí vận chuyển công cụ, dụng cụ, nguyên vật liệu, trang phục và các sản phẩm phục vụ quảng bá văn hóa. Căn cứ mức cước vận chuyển của các hãng

vận tải trong và ngoài nước và theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao;

- Chi hội nghị, hội thảo (nếu có). Nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Thông tư này, mức chi theo hợp đồng với nhà cung cấp dịch vụ, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao;

- Chi truyền thông theo quy định tại Điều 6 Thông tư này. Trường hợp truyền thông trên các phương tiện truyền thông tại nước ngoài thực hiện theo hợp đồng với nhà cung cấp dịch vụ, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao;

- Mua sắm, thuê công cụ, dụng cụ, nguyên vật liệu, trang phục, lưu kho: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quyết định của cấp có thẩm quyền trong phạm vi dự toán được giao và quy định tại khoản 6, khoản 8 Điều 3 Thông tư này;

- Các nội dung thực hiện theo hợp đồng giữa cơ quan tổ chức hoạt động quảng bá và phía nước ngoài đảm bảo phù hợp với pháp luật nước sở tại, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao;

- Đối với các nội dung cần thiết phát sinh trong quá trình công tác do cấp có thẩm quyền quyết định hoặc giao trưởng đoàn quyết định trong phạm vi dự toán được giao, việc thanh toán trên cơ sở hóa đơn, chứng từ hợp pháp;

b) Hỗ trợ nghệ sĩ Việt Nam tham dự các sự kiện quốc tế lớn: Nội dung hỗ trợ theo Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL và quyết định của cấp có thẩm quyền. Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này;

c) Chi tham gia các sáng kiến, sự kiện xây dựng Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL, quy định tại Chương II Thông tư này và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan;

d) Tổ chức dịch, giới thiệu, xuất bản tác phẩm văn học, văn hóa, lịch sử Việt Nam có giá trị tư tưởng nghệ thuật, giá trị khoa học cao và các chuyên san, ấn phẩm giới thiệu văn hóa Việt Nam ra nước ngoài: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL, quy định tại Chương II Thông tư này và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan;

đ) Sản xuất, phổ biến các nội dung sáng tạo nhằm quảng bá văn hóa Việt Nam trên nền tảng mạng xã hội, kênh truyền hình quốc tế, trên các bảng điện tử công cộng, sân bay trong nước và quốc tế: Thực hiện theo quy định tại Điều 6 và khoản 6 Điều 22 Thông tư này;

e) Hỗ trợ quảng bá thông qua các đoàn phóng viên, báo chí, các đoàn làm phim quốc tế vào Việt Nam: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL và quy định tại Điều 12 Thông tư này;

g) Hỗ trợ các hoạt động quảng bá hình ảnh, con người, văn hóa, thế mạnh của các địa phương với bạn bè quốc tế: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL và quy định tại Điều 6 Thông tư này;

h) Xúc tiến, xuất khẩu các sản phẩm, dịch vụ văn hóa và sáng tạo Việt Nam ra nước ngoài: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL, quy định tại Chương II Thông tư này và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan;

i) Đầu tư sản xuất phim quảng bá bản sắc văn hóa Việt Nam tại nước ngoài: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL, định mức kinh tế - kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành; mức chi theo các quy định của pháp luật hiện hành, quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước, pháp luật về điện ảnh và pháp luật hiện hành có liên quan.

3. Tổ chức các sự kiện văn hóa, nghệ thuật quốc tế tại Việt Nam, hỗ trợ sáng tạo nghệ thuật thông qua giao lưu văn hóa: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL, quy định tại Chương II Thông tư này và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

4. Phát triển văn hóa trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài

a) Tổ chức các chương trình, hoạt động văn hóa, nghệ thuật phục vụ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, gồm:

- Xây dựng kịch bản chương trình;

- Tổ chức sản xuất, dàn dựng, tập luyện biểu diễn chương trình nghệ thuật;

- Tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu chương trình theo quy định của nước sở tại và quy định tại Điều 6 Thông tư này;

- Tổ chức biểu diễn và lưu diễn chương trình tại các địa bàn có đông cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài vào dịp Quốc khánh mùng 02 tháng 9, Giỗ tổ Hùng Vương, ngày lễ của nước bạn;

b) Thực hiện các chương trình phát huy các giá trị truyền thống Việt Nam tại các gia đình đa văn hóa;

c) Thực hiện các chương trình dạy tiếng Việt và văn hóa Việt Nam cho cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài, gồm: Chi thuê giảng viên, nghệ sĩ, chuyên gia, phiên dịch, kỹ thuật viên; chi in ấn, biên soạn, phát hành tài liệu, giáo trình, băng đĩa, học liệu; chi thuê địa điểm, thiết bị, phương tiện phục vụ lớp học, sự kiện;

d) Hỗ trợ các cộng đồng người Việt Nam tại nước ngoài truyền bá, lan tỏa các giá trị văn hóa Việt Nam. Nội dung, phương thức hỗ trợ theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL. Mức hỗ trợ do cấp có thẩm quyền quyết định phù hợp với hoạt động của cộng đồng người Việt Nam tại nước ngoài, trong phạm vi dự toán được giao;

đ) Nội dung và mức chi điểm a, điểm b và điểm c khoản này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL, quy định tại Điều 4 và Điều 6 Thông tư này, pháp luật hiện hành có liên quan và pháp luật nước sở tại. Trường hợp có những quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì thực hiện theo quy định

của pháp luật nước sở tại đối với những hoạt động phải thuê, mua của nước ngoài.

5. Đối tượng, phạm vi, nội dung hoạt động khác (nếu có): Thực hiện theo quy định tương ứng tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL, nội dung, mức chi tương ứng theo quy định tại Chương II Thông tư này và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 27. Nội dung và mức chi thành phần 10 – Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình, nâng cao năng lực thực hiện chương trình, truyền thông, tuyên truyền về Chương trình

1. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình

a) Chi xây dựng bộ tiêu chí, chỉ số theo dõi thực hiện, khung kết quả của Chương trình; hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Chương II của Thông tư này;

b) Chi xây dựng, điều chỉnh chương trình, đề án, kế hoạch thuộc Chương trình. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Chương II của Thông tư này và pháp luật hiện hành có liên quan;

c) Chi thiết lập, duy trì vận hành, khai thác Hệ thống thông tin quản lý Chương trình theo phương thức thực hiện do cơ quan chủ Chương trình quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư này, pháp luật về công nghệ thông tin, pháp luật về chuyển đổi số, pháp luật về đấu thầu và pháp luật hiện hành có liên quan;

d) Chi tổ chức giám sát của cộng đồng, lấy ý kiến phản biện xã hội đối với các chính sách của Chương trình theo quyết định của cơ quan chủ trì giám sát được thực hiện theo quy định tại Chương II Thông tư này.

2. Tăng cường năng lực công tác quản lý, điều phối thực hiện Chương trình các cấp, nâng cao hiệu quả công tác truyền thông về Chương trình

a) Chi tổ chức vận động, xúc tiến, huy động nguồn lực đóng góp từ các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện theo quy định tại Chương II của Thông tư này và các pháp luật hiện hành có liên quan;

b) Chi xây dựng, duy trì, vận hành Trang thông tin điện tử chính thức của Chương trình, tổ chức biên soạn, đăng tải thông tin tài liệu, hình ảnh phổ biến về mục tiêu, nội dung, kết quả thực hiện Chương trình được thực hiện theo quy định tại Chương II của Thông tư này, pháp luật về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và các pháp luật hiện hành có liên quan.

3. Đối tượng, phạm vi, nội dung hoạt động khác (nếu có): Thực hiện theo quy định tương ứng tại Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL. Nội dung, mức chi tương ứng theo quy định tại Chương II Thông tư này và các quy định của pháp luật hiện hành.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phân bổ kinh phí thực hiện trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đối với các địa phương đã ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã quy định theo phân cấp nội dung, mức chi, hỗ trợ được tiếp tục thực hiện và rà soát lại theo quy định tại Thông tư này. Trường hợp không còn phù hợp thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp để sửa đổi, bổ sung hoặc sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền cho phù hợp.

Điều 29. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2026.

2. Các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo các cơ quan đơn vị được giao dự toán chi Chương trình quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Nghị định số 358/2025/NĐ-CP và quy định tại Thông tư này; báo cáo cơ quan cấp trên trực tiếp để tổng hợp báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn đối ứng của ngân sách địa phương để hỗ trợ thêm cùng với nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ theo quy định tại Thông tư này đảm bảo thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, nội dung, nội dung thành phần của Chương trình.

Trường hợp trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình có phát sinh các khoản chi đặc thù chưa được quy định trong các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và Thông tư này; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc phân cấp quyết định phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương theo quy định tại khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.

4. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Thông tư này với các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 28/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam thì thực hiện theo quy định của các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 28/2026/QH16.

5. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

6. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Viện KSND tối cao;
- TAND tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Sở Tài chính, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố;
- KBNN các tỉnh, thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ, Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, KTN (100b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Bích Ngọc